

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 956/QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức chi đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1198/STC-HCSN ngày 01 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước; nội dung công việc, định mức chi cụ thể quy định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định 2088/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định mức chi đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai và theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh,
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh,
- Lưu VT, KTTH-Song.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Tôn Hoàng

PHỤ LỤC SỐ 1
ĐỊNH MỨC CHI VỀ TƯ VẤN CÁC NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 956/QĐ-UBND-HC ngày 26/10/2011 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi (ngàn đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, thị và ngành
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố. <i>(có xây dựng mới được chi)</i>	Đề tài, dự án	1.500	800
b	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án <i>(Không phân công nhiệm vụ phản biện)</i>	Đề tài, dự án		
	- Chủ tịch Hội đồng		300	150
	- Thành viên, thư ký khoa học		200	100
	- Thư ký hành chính		150	80
	- Đại biểu được mời tham dự		70	50
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì <i>(xét duyệt thuyết minh)</i>			
a	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện			
	- Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	450	200
	- Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	400	150
	- Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	360	100
b	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			
	- Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	200	150
	- Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	190	100
	- Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên	01 Hồ sơ	180	80
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án	Đề tài, dự án		
	- Chủ tịch Hội đồng		300	150
	- Thành viên, thư ký khoa học		200	100

	- Thư ký hành chính		150	80
	- Đại biểu được mời tham dự		70	50
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án			
	- Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài, dự án	250	150
	- Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài, dự án	200	100
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN			
a	Nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Đề tài, dự án	750	200
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, dự án	450	150
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án).	Báo cáo	1000	
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án		
	- Tổ trưởng		250	
	- Thành viên		200	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	
d	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức	Đề tài, dự án		
	- Chủ tịch Hội đồng		400	150
	- Thành viên, thư ký khoa học		300	100
	- Thư ký hành chính		150	80
	- Đại biểu được mời tham dự		70	50

PHỤ LỤC SỐ 2

ĐỊNH MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 956/QĐ-UBND-HC ngày 26/10/2011 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi đề tài cấp huyện, ngành (ngàn đồng)	Định mức chi đề tài cấp tỉnh (ngàn đồng)			
				Qui mô đến dưới 300 triệu đồng	Qui mô đến dưới 600 triệu đồng	Qui mô đến dưới 900 triệu đồng	Qui mô trên 900 triệu đồng
1	Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt	Đề tài, dự án	300	700	1.000	1.500	2.000
2	Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình KHCN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)	Chuyên đề					
	- Chuyên đề loại 1		500	4.000	6.000	8.000	10.000
	- Chuyên đề loại 2		300	12.000	18.000	24.000	30.000
3	Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH và nhân văn	Chuyên đề					
	- Chuyên đề loại 1		200	5.000	6.000	7.000	8.000
	- Chuyên đề loại 2		300	6.000	8.000	10.000	12.000
4	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án	Báo cáo	300	1.500	2.000	2.500	3.000
5	Lập mẫu phiếu điều tra: - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	100 100 150	200 200 400	300 300 600	400 400 800	500 500 1.000

6	Cung cấp thông tin :	Phiếu		10	20	30	40	50
	- Trong nghiên cứu KH&CN							
	- Trong nghiên cứu KH&XH và nhân văn:							
	+ Đến 30 chỉ tiêu			10	20	30	40	50
	+ Trên 30 chỉ tiêu			15	40	50	60	70
7	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra	Đề tài, dự án		500	1.000	2.000	3.000	4.000
8	Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	Đề tài, dự án		2.000	6.000	8.000	10.000	12.000
9	Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ)							
a	Nhận xét đánh giá							
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Đề tài, dự án		150	500	600	700	800
	- Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, dự án		100	200	300	400	500
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án).	Báo cáo			500	600	700	800
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án						
	- Tổ trưởng				200	200	200	200
	- Thành viên				150	150	150	150
	- Đại biểu được mời tham dự				70	70	70	70

d	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu	Đề tài, dự án					
	- Chủ tịch Hội đồng		100	200	200	200	200
	- Thành viên, thư ký khoa học		70	150	150	150	150
	- Thư ký hành chính		50	100	100	100	100
	- Đại biểu được mời tham dự		40	70	70	70	70
10	Hội thảo khoa học	Buổi hội thảo					
	- Người chủ trì		100	140	160	180	200
	- Thư ký hội thảo		50	70	80	90	100
	- Báo cáo tham luận theo đặt hàng		200	350	400	450	500
	- Đại biểu được mời tham dự		40	40	50	60	70
11	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	300	700	800	900	1.000
12	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho Thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).	Năm	4.000	9.000	11.000	13.000	15.000